

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15/8/2024.

V/v ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng Quyên;

Ông Huỳnh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Lê Phương T, sinh ngày 28/12/1982;

Địa chỉ: Tổ D, ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh T1, sinh ngày 10/4/1983;

Địa chỉ: Tổ D, ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Lê Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Thanh T1 kết hôn với nhau vào tháng 5/2023, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 11/5/2023.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hay cãi vã, gây gổ về những việc đơn giản có, phức tạp có. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình của hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục

đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

* Bị đơn ông Võ Thanh T1 trong quá trình tham gia tố tụng: Ông T1 đã được Tòa án tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do nên không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có).

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, phía nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Lê Phụng T, cho bà T được ly hôn với ông Võ Thanh T1; về con chung không có nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do bà T khai không có và các đương sự đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Lê Phụng T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn” với ông Võ Thanh T1, nơi cư trú tổ D, ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Huỳnh Lê Phụng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Võ Thanh T1 không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 02/TB-TA ngày 10/7/2024, nhưng ông T1 cũng không phản đối và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Huỳnh Lê Phụng T và ông Võ Thanh T1 tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 11/5/2023;

căn cứ vào các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà T và ông T1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng bà T, ông T1 đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đề các đương sự hàn gắn, nhưng ông T1 không hợp tác và vắng mặt không có lý do, còn bà T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, chứng tỏ giữa hai bên không muốn hàn gắn đoàn tụ với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa bà T và ông T1 không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều khai không có. Tại phiên tòa hôm nay, bà T và ông T1 đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Huỳnh Lê Phụng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Lê Phụng T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Lê Phụng T được ly hôn với ông Võ Thanh T1.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông T1 đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Lê Phương T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009498 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 25, ngày 11/5/2023);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Anh Sơn